TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NG
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Tươi
Ông Hà Bảo Hiền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện NG, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện NG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2024/QĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Viễn T, sinh năm 1957
Cư trú: ấp Phú Hiệp, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện theo ủy quyền cho ông Trương Viễn T là ông Trương Hoàng Việt, sinh năm 1991 (Có mặt)
Cư trú: ấp Phú Hiệp, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Bà Trần Thị A, sinh năm 1959 (Vắng mặt)
2. Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1952 (Vắng mặt)
Cùng trú: ấp Tân Trung, xã Tân Ân Tây, huyện NG, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2024 và các lời trình bày tại Tòa án ông Trương Hoàng Việt là người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Viễn T trình bày như sau:

Vào khoản tháng 6 năm 2023 do quen biết nên bà Trần Thị A có vay của ông Trương Viễn T số tiền 5.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k, khi vay có làm biên nhận, lãi suất theo thỏa thuận. Quy định thời gian mỗi năm bà Ánh phải trả 1 chỉ vàng 24k, trả cho đến ngày 20/3/2017 âl thì phải trả dứt điểm. Riêng đối với số tiền 5.000.000 đồng thì bà Ánh thống nhất trả cho đến ngày 20/3/2016 âl. Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay bà Ánh trả được 2,5 chỉ vàng 24k, đối với số tiền thì không trả vốn, lãi.

Chính vì vậy nên ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Ánh phải trả số tiền 5.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng 24k. Yêu cầu bà Ánh trả lãi suất đối với số tiền vay 5.000.000 đồng từ tháng 6 năm 2003 đến nay, lãi suất 20%/năm với số tiền lãi là 20.849.000 đồng. Tổng cộng bà ánh phải trả gốc và lãi là 25.849.000 đồng và 7,5 chỉ vàng 24k.

- Bà Trần Thị A trình bày: Bà Ánh thừa nhận có thiếu ông Trương Viễn T số tiền 5.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng 24k. Nay bà đồng ý trả cho ông T nhưng không đồng ý trả lãi, vì số tiền và vàng là do bà mượn chứ không có vay ông T. Tuy nhiên, số tiền bà thiếu lâu quá nên bà đồng ý trả thêm cho ông T là 5.000.000 đồng tiền lãi, cộng với 5.000.000 đồng tiền vốn. Tổng cộng bà Ánh đồng ý trả cho ông T số tiền 10.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng 24k.

Đối với bị đơn bà Trần Thị A, ông Nguyễn Quốc K được Tòa án tống đạt hợp lệ T báo thụ lý bổ sung vụ án số 46/2024/TB-TLVA ngày 24/7/2024 và T báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công chứng cứ và hòa giải số nhưng bà Trần Thị A, ông Nguyễn Quốc K đều vắng mặt không lý do, Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng bà Trần Thị A, ông Nguyễn Quốc K không có mặt. Đối với bà Trần Thị A, ông Nguyễn Quốc K vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện NG, củng không có đơn yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn ông Trương Viễn T với bị đơn bà Trần Thị A, ông Nguyễn Quốc K là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Xét nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông T cho rằng có cho bà Ánh vay tiền, lãi suất thỏa thuận, nhưng từ khi vay cho đến nay bà Ánh không trả tiền vốn và lãi, mặc dù ông T đã nhiều lần đến gặp để đòi tiền nhưng bà Ánh cứ hẹn lần, hẹn lựa nhưng không trả tiền cho ông T. Nay ông T yêu cầu bà Ánh phải trả số tiền 10.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng 24k, không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Xét thấy việc ông T cho bà Ánh vay tiền là thực tế có xảy ra. Bởi lẽ, việc ông T cho bà Ánh vay tiền có làm biên nhận nợ ngày 21/02/2015 do bà Ánh trực tiếp ký tên, ghi họ tên và thừa nhận có vay số tiền số tiền 5.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng 24k của ông T, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Tuy nhiên, trong quá trình vay tiền thì bà Trần Thị A, ông Nguyễn Quốc K không trả tiền vốn, lãi nên ông T khởi kiện yêu cầu bà Ánh và ông K phải thực hiện việc trả số tiền trên cho ông T là có căn cứ nên được chấp nhận. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà Ánh đồng ý trả cho ông T số tiền 10.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng 24k. Do đó, buộc bà Ánh và ông K phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 10.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng 24k.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất của ông T thấy rằng: Tại phiên tòa, ông T không yêu cầu bà Ánh và ông K trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, tổng số tiền buộc bà Ánh và ông K trả cho ông T là 10.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng 24k là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm bà Ánh và ông K được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự. Các Điều 26, 35, 91, 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Viễn T như sau:

Buộc bà Trần Thị A, ông Nguyễn Quốc K phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Viễn T số tiền 10.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng 24k.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị A, ông Nguyễn Quốc K được miễn theo quy định.

Án xử sơ thẩm công khai, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Ánh và ông K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện NG;
- Chi cục THADS huyện NG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính